TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1438/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dương;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quang Thị Thùy Ly - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Không có.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 637/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 542/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: T xử lý nợ, Lầu A Tòa nhà B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ F, ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C trình bày: Ngày 13/12/2022, ông Nguyễn Thanh T có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 45.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 12.635.000 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 11/02/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 12/3/2025, ông T còn nợ gốc 52.140.094 đồng, lãi quá hạn 28.555.560 đồng, tổng cộng 80.695.654 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 12/3/2025 là 80.695.654 đồng và khoản lãi phát sinh từ ngày 13/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có bản tự khai đề nghị buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền gốc 52.140.094 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 26/9/2025 là 42.315.757 đồng, tổng cộng 94.455.851đ (chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng) và lãi phát sinh từ ngày 27/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ngày 13/12/2022 ông có vay thẻ Ngân hàng 45.000.000 đồng. Ông có đóng được 12.635.000 đồng thì gia đình khó khăn, bà già bệnh hiểm nghèo nên không có thanh toán tiếp cho Ngân hàng. Tính đến ngày 26/9/2025 ông còn nợ gốc 52.140.094 đồng, lãi quá hạn 42.315.757 đồng, tổng cộng 94.455.851 đồng. Ông xin được đóng trả lần cho Ngân hàng có bao nhiêu ông sẽ trả bấy nhiêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T thanh toán nợ gốc và lãi theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng giữa Ngân hàng với ông T, đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp E, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ theo quy định tại Điểm a Khoản

1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Mạnh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Thanh T thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 26/9/2025 là 94.455.851đ (chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng), trong đó: Nợ gốc 52.140.094 đồng, lãi quá hạn 42.315.757 đồng và lãi phát sinh sau ngày 26/9/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng, trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét ngày 13/12/2022, ông T có ký hợp đồng tín dụng dưới hình thức giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S với hạn mức 50.000.000 đồng, các đương sự cũng thỏa thuận lãi suất phát sinh. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 45.000.000 đồng đối với thẻ tín dụng số 472074-5360. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông T đã thanh toán cho Ngân hàng 12.635.000 đồng. Việc ông T không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, vi phạm điều khoản về nghĩa vụ trả nợ của khách hàng quy định tại Điều 24 của điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đã ký và vi phạm quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự về nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật Các tổ chức tín dụng thì: "Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng… thì áp dụng theo quy định của Luật này", theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật", do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, lãi quá hạn theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 26/5/2025;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc ông Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 52.140.094 đồng, lãi quá hạn 42.315.757 đồng, tổng cộng 94.455.851đ (chín mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi mốt đồng), thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 27/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng cấp thẻ tín dụng bao gồm giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 4.722.793đ (bốn triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm chín mươi ba đồng) ông Nguyễn Thanh T phải chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tiền tạm ứng án phí 2.017.392đ (hai triệu không trăm mười bảy nghìn ba trăm chín mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0064601 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 8 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy